

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 15-11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Anh

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thanh T** - Sinh năm: 1989. Hộ khẩu thường trú: Số 216 đường H, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ tạm trú: Số 212 đường T, phường T, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Ngọc L** và bà **Võ Thị Anh L** là Luật sư Công ty Luật TNHH C thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Tầng 3, số 62B P, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Kim Bảo** - Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số 216 đường H, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà **Lê Thị Thanh T** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2018 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Kim B kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trước khi kết hôn ông, bà có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng số 216 đường H, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông B thường xuyên xúc phạm, không tôn trọng bà nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có hạnh phúc. Tháng 12/2017, bà đã đưa con về sống với cha mẹ ruột tại thành phố Kom Tum còn ông B vẫn sống tại số 216 đường H, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Từ đó đến nay giữa bà và ông B phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Ông B vẫn thường xuyên lên thăm con, trung bình cứ 02 tuần lên thăm con một lần, ông B cũng có trách nhiệm với con, vẫn lo chu cấp cho con và có khuyên bà về sống chung để lo để nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng bà không đồng ý. Vì bà không còn tình cảm với ông B nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Hoàng Kim B.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung: Hoàng Kim Đ - Sinh ngày: 16/01/2012. Hiện nay, bà đã bị phẫu thuật nội soi cắt vòi trứng phải nên rất khó sinh con. Vì vậy, bà có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà xin rút yêu cầu cấp dưỡng vì hiện nay bà đang làm hợp đồng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thang máy Thế giới an toàn, lương chính mỗi tháng 7.000.000 đồng chưa tính tiền hoa hồng nên đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

** Tại bản tự khai ngày 03/2/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Kim B trình bày:*

Ông thống nhất về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như bà T trình bày nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do cuối năm 2017, bà T có bạn bè thường đi chơi về trễ nên vợ chồng có lời qua tiếng lại, trong lúc nóng nảy ông có nặng lời với bà T. Sau đó, bà T tự ý đưa con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, ông đã nhiều lần khuyên bà T trở về nhưng bà T không đồng ý. Vì thương con nên cứ 02 tuần ông lên thăm con một lần và lo chu đáo cho con tiền ăn, tiền học. Lần nào ông lên thăm, con cũng đòi về theo nên ông rất mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung Hoàng Kim Đức - Sinh ngày: 16/01/2012. Nếu ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng vì ông có việc làm ổn định thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng, công việc của ông lại không phụ thuộc vào thời gian nên việc chăm sóc và đưa đón con đi học rất đảm bảo.

Về tài sản chung: Ông xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với bà Lê Thị Thanh T.

Về nợ chung: Không có.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ-ST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã Quyết định:*

- Căn cứ vào Điều 56, 58, 81 và 82, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147, các Điều 271 và 273 BLTTDS 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T về việc “Ly hôn” với ông Hoàng Kim B.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thanh T và ông Hoàng Kim B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Hoàng Kim Đức, sinh ngày: 16/01/2012 cho ông Hoàng Kim B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định không có nợ chung.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tại biên lai thu số 01266 ngày 31/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn lại cho ông B số tiền tạm ứng án phí tranh chấp tài sản chung là 6.375.000 đồng (sáu triệu ba trăm bảy lăm ngàn) đã nộp tại biên lai thu số 03342 ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải thích về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo pháp luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 18/9/2018 bà Lê Thị Thanh T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét giao con chung cho bà nuôi dưỡng. Vì bà không còn khả năng sinh con, hiện nay cháu Đức do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang theo học lớp 1 tại Kon Tum.

Tại phiên tòa, các luật sư Lê Ngọc L và Võ Thị Anh L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận kháng cáo của bà T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ-ST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giao con chung Hoàng Kim Đức - sinh ngày: 16/01/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng với các căn cứ: Hiện nay bà T đang trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức; thu nhập hàng tháng của bà T đảm bảo đủ điều kiện để nuôi cháu Đức và ông B có những lời lẽ tục tĩu xúc phạm đến bà T cũng như mẹ của bà T nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thanh T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ-ST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, giao con chung Hoàng Kim Đức - sinh ngày: 16/01/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Lê Thị Thanh T về việc xin được nuôi con chung Hoàng Kim Đức - sinh ngày: 16/01/2012, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Thanh T đề nghị Tòa án giải quyết được nuôi con chung với lý do bà đã bị phẫu thuật nội soi cắt vòi trứng phải nên khả năng sinh con là rất thấp. Đồng thời, hiện nay bà đang trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Kim Đức, thu nhập hàng tháng của bà đảm bảo đủ điều kiện để nuôi cháu Đức. Theo khoản 1 điều 71 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên*” và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*”. Do đó, khi Tòa án quyết định giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến những điều kiện để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con, đó là: Điều kiện vật chất như: ăn ở, sinh hoạt, điều kiện học tập ... phụ thuộc vào chỗ ở, nghề nghiệp, thu nhập thực tế; Điều kiện tinh thần như: vui chơi giải trí, thời gian dạy dỗ, chăm sóc con ... phụ thuộc vào phẩm chất đạo đức, lối sống của mỗi bên. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Hoàng Kim Đức được sinh ra tại thành phố Đà Nẵng do ông Hoàng Kim B và bà Lê Thị Thanh T nuôi dưỡng tại địa chỉ số 216 đường H, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng từ tháng 01/2012. Đến tháng 12/2017, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà T tự ý đã đưa con về sống với cha, mẹ ruột tại thành phố Kon Tum nhưng không được sự đồng ý của ông B nên đã vi phạm khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của ông B.

Về điều kiện và thời gian chăm sóc con chung: Hiện nay, bà T đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thang máy Thế giới an toàn theo Hợp đồng lao động ngày từ 01/01/2018 đến ngày hết ngày 01/01/2019, lương chính mỗi tháng 7.000.000 đồng + hoa hồng theo doanh số, còn đối với ông B hiện nay đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ Vân Ngọc Vân của mẹ ông, thu nhập trung bình mỗi tháng 20.000.000 đồng, về thời gian không phụ thuộc vào công việc. Xét thấy tính chất công việc của ông B có điều kiện hơn bà T về thời gian chăm sóc, giáo dục, trông nom, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, trước khi bà T đưa cháu Đức về Kon Tum về ở với cha, mẹ ruột và vợ chồng anh trai thì cháu Đức được theo học tại trường học, cơ sở giáo dục của quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho cháu Đức phát triển tốt nhất về tất cả mọi mặt nên xét thấy cần tiếp tục giao cháu Đức cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T cũng như quan điểm của các Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà T về việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ-ST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2] Sau khi ly hôn, nếu có căn cứ chứng minh ông B không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Tú có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng về nội dung giải quyết vụ án cũng không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

+ Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Tú đã nộp tại biên lai thu số 01266 ngày 31/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ Án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Lê Thị Thanh T không được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thanh T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ-ST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

1. Về quan hệ con chung: Giao cho ông Hoàng Kim B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Kim Đức - Sinh ngày: 16/01/2012. Bà Lê Thị Thanh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 01266 ngày 31/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn lại cho ông Hoàng Kim B số tiền tạm ứng án phí tranh chấp tài sản chung là 6.375.000 đồng (*Sáu triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 03342 ngày 28/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 000653 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Châu 2;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn

